



**TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN
VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 16 /ĐNB-HĐQT
V/v: Công bố thông tin Báo cáo tài chính
đã kiểm toán năm 2019.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020.

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ kính gửi Quý cơ quan thông tin sau:

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ.
2. Mã chứng khoán: PSE.
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh.
4. Điện thoại: 028.35 111 999 Fax: 028. 35 111 666.
5. Người thực hiện công bố thông tin: ông Trịnh Văn Chương - UV HĐQT
6. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ được lập ngày 13/03/2020, bao gồm:
 - Báo cáo của Ban Giám đốc.
 - Báo cáo kiểm toán độc lập.
 - Bảng cân đối kế toán.
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
 - Thuyết minh báo cáo tài chính.
7. Nội dung giải trình:

LNST trong kỳ giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm trước do:

 - Trong kỳ Nhà máy Đạm Phú Mỹ thực hiện bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị dẫn tới nguồn cung bị hạn chế; đồng thời do ảnh hưởng của tình hình thời tiết, nhu cầu mùa vụ thấp dẫn tới sản lượng kinh doanh trong năm của công ty bị sụt giảm so với cùng kỳ năm trước.
 - Biên lợi nhuận gộp của một số mặt hàng Công ty tự doanh thực hiện thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.

Vì những nguyên nhân nêu trên làm ảnh hưởng tới các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận sau thuế của Công ty thực hiện năm 2019 giảm so với năm 2018
8. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019 của Công ty: <http://www.pse.vn/>



Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, GD, BKS (đề b/c);
- Ban biên tập website (để đăng tin);
- Lưu VT, TCHC, HM.03.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
ỦY VIÊN HĐQT**



Trịnh Văn Chương





**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 22

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hùng	Chủ tịch
Ông Lê Đức Thuận	Thành viên
Ông Đặng Hữu Thắng	Thành viên
Ông Lê Quang Thành	Thành viên
Ông Trịnh Văn Chương	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Đức Thuận	Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Sỹ	Phó Giám đốc
Ông Trịnh Văn Chương	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Đức Thuận
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 3 năm 2020, từ trang 4 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 13 tháng 3 năm 2020
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Công Cương
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3992-2017-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		220.582.839.243	320.107.262.775
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	65.737.319.709	107.831.050.176
1. Tiền	111		65.737.319.709	87.831.050.176
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	20.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		68.911.429.583	100.808.091.331
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	68.534.329.583	96.695.670.756
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	305.100.000	3.798.283.589
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	72.000.000	314.136.986
III. Hàng tồn kho	140	8	85.931.245.685	111.226.535.103
1. Hàng tồn kho	141		87.779.862.954	111.226.535.103
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.848.617.269)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.844.266	241.586.165
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	2.844.266	241.586.165
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.456.299.883	30.801.674.119
I. Tài sản cố định	220		23.974.757.785	27.914.883.630
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	8.414.161.796	11.766.036.247
- Nguyên giá	222		35.435.455.280	35.322.394.280
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.021.293.484)	(23.556.358.033)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	15.560.595.989	16.148.847.383
- Nguyên giá	228		20.207.827.000	20.207.827.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.647.231.011)	(4.058.979.617)
II. Tài sản dài hạn khác	260		1.481.542.098	2.886.790.489
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	1.481.542.098	2.886.790.489
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)			246.039.139.126	350.908.936.894

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		89.809.444.193	193.168.192.169
I. Nợ ngắn hạn	310		89.809.444.193	193.168.192.169
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	54.088.641.479	175.743.911.218
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	24.040.021.086	4.932.240.976
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.814.035.073	2.059.010.856
4. Phải trả người lao động	314		7.289.518.355	7.002.217.717
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	1.031.035.780	1.090.449.649
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.546.192.420	2.340.361.753
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		156.229.694.933	157.740.744.725
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	156.229.694.933	157.740.744.725
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		125.000.000.000	125.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		125.000.000.000	125.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.787.129.314	15.787.129.314
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.442.565.619	16.953.615.411
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.953.615.411	7.107.845.447
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		8.488.950.208	9.845.769.964
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		246.039.139.126	350.908.936.894

Trần Hữu Long
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Đạt
Kế toán trưởng

Lê Đức Thuận
Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2020


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh		Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	1.941.733.128.416	2.414.696.780.857
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	17.534.753.916	35.401.958.832
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	1.924.198.374.500	2.379.294.822.025
4. Giá vốn hàng bán	11	19	1.860.204.485.566	2.306.969.716.795
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		63.993.888.934	72.325.105.230
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	464.533.546	1.508.146.124
7. Chi phí bán hàng	25	22	29.011.353.830	33.670.698.822
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	21.643.975.954	24.114.376.062
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-(25+26))	30		13.803.092.696	16.048.176.470
10. Thu nhập khác	31		11.933.775	203.352.701
11. Chi phí khác	32		61.240.537	2.170.320
12. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(49.306.762)	201.182.381
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		13.753.785.934	16.249.358.851
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	2.864.249.571	3.351.116.047
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		10.889.536.363	12.898.242.804
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	679	788


Trần Hữu Long
Người lập biểu


Nguyễn Xuân Đạt
Kế toán trưởng


Lê Đức Thuận
Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	13.753.785.934	16.249.358.851
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.053.186.845	4.075.808.372
Các khoản dự phòng	03	1.848.617.269	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(464.533.546)	(1.508.146.124)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	19.191.056.502	18.817.021.099
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	31.832.661.748	(63.687.355.081)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	23.446.672.149	(63.909.765.915)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(102.716.932.742)	144.972.993.651
Giảm chi phí trả trước	12	1.643.990.290	438.159.061
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.914.964.972)	(3.776.897.416)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.194.755.488)	(3.064.909.287)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(32.712.272.513)	29.789.246.112
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(122.988.500)	(290.874.500)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	528.533.546	1.502.979.457
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	405.545.046	1.212.104.957
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.787.003.000)	(12.254.985.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.787.003.000)	(12.254.985.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(42.093.730.467)	18.746.366.069
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	107.831.050.176	89.084.684.107
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	65.737.319.709	107.831.050.176

Trần Hữu Long
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Đạt
Kế toán trưởng

Lê Đức Thuận
Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN
VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ**

Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ ("Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305918852 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 02 năm 2011. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội từ ngày 18 tháng 3 năm 2015 với mã chứng khoán là PSE.

Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty") nắm giữ 75% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 73 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 73 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Bán buôn, bán lẻ các loại phân bón, các sản phẩm hóa chất; Bán buôn thực phẩm, gạo, nông, lâm sản nguyên liệu; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG); Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy nội địa; Tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng phân bón và hóa chất; Kinh doanh bất động sản; Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ; Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất dung dịch khoan và hóa phẩm dầu khí, chất dùng cho khoan thăm dò và khai thác dầu khí, công nghiệp, luyện cán thép; Quảng cáo; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Khai thác khoáng chất và khoáng phân bón; Kinh doanh dịch vụ logistic.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại phân bón và sản phẩm hóa chất.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được và tuân thủ phương pháp hạch toán kế toán hàng tồn kho kê khai thường xuyên. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 8

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất và phần mềm máy tính được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính là 8 năm.

Thuê hoạt động

Thuê hoạt động của Công ty thể hiện tiền thuê văn phòng. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu bao gồm chi phí quà tặng khách hàng phân bố, biển hiệu đại lý, giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở xuống. Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng, biển hiệu đại lý và các chi phí khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn

thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại phải được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	46.257.450	95.458.439
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	61.334.844.909	87.735.591.737
Tiền đang chuyển	4.356.217.350	-
Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
	65.737.319.709	107.831.050.176

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác		
Công ty TNHH Thủy Minh Khoa	15.533.550.000	24.639.307.527
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Minh Dũng	8.659.065.495	18.566.983.500
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kim Ngươn	6.234.500.000	10.072.366.544
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phân bón Tuấn Vũ	7.611.099.966	16.204.764.166
Công ty TNHH Minh Trung	1.577.787.590	2.450.000.000
Công ty TNHH Như Linh	6.493.748.500	5.042.034.155
Công ty TNHH SXTM DV XNK Tân Trí Phát	6.097.422.948	4.555.450.000
Công ty TNHH Hoàn Thiện	3.836.095.375	2.912.475.650
Công ty TNHH Đăng Việt Phụng	2.555.799.853	4.644.982.735
Các khách hàng khác	4.738.108.290	4.784.578.026
	63.337.178.017	93.872.942.303
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
- (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	5.197.151.566	2.822.728.453
Cộng	68.534.329.583	96.695.670.756

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Trả trước cho người bán khác		
Các khách hàng khác	305.100.000	19.570.589
	305.100.000	19.570.589
b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan		
- (Chi tiết tại Thuyết minh số 26)	-	3.778.713.000
Cộng	305.100.000	3.798.283.589

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí - CTCP	72.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7 Tp.HCM	-	250.136.986
Các đối tượng khác	-	64.000.000
	72.000.000	314.136.986

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>VND</u>		<u>VND</u>	
	Giá gốc	Dự phòng (*)	Giá gốc	Dự phòng (*)
Hàng hoá	87.779.862.954	(1.848.617.269)	111.226.535.103	-
	87.779.862.954	(1.848.617.269)	111.226.535.103	-

(*) Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 1.848.617.269 VND (năm 2018: 0 VND) do giá gốc thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Ngắn hạn		
- Quà tặng khách hàng	-	194.700.000
- Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ dưới 1 năm	2.844.266	46.886.165
	2.844.266	241.586.165
b. Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	647.039.771	1.122.382.996
- Chi phí biển hiệu đại lý	563.579.893	1.152.626.671
- Chi phí trả trước dài hạn khác	270.922.434	611.780.822
	1.481.542.098	2.886.790.489
Cộng	1.484.386.364	3.128.376.654

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	28.200.720.133	128.128.000	5.064.728.547	1.928.817.600	35.322.394.280
Tăng trong năm	-	-	-	113.061.000	113.061.000
Số dư cuối năm	28.200.720.133	128.128.000	5.064.728.547	2.041.878.600	35.435.455.280
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	18.136.804.588	64.122.503	3.763.816.941	1.591.614.001	23.556.358.033
Khấu hao trong năm	2.822.104.035	21.354.666	511.005.327	110.471.423	3.464.935.451
Số dư cuối năm	20.958.908.623	85.477.169	4.274.822.268	1.702.085.424	27.021.293.484
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	10.063.915.545	64.005.497	1.300.911.606	337.203.599	11.766.036.247
Tại ngày cuối năm	7.241.811.510	42.650.831	789.906.279	339.793.176	8.414.161.796

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 3.559.464.765 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 3.441.814.765 đồng).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	20.152.577.000	55.250.000	20.207.827.000
Số dư cuối năm	20.152.577.000	55.250.000	20.207.827.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	4.003.729.617	55.250.000	4.058.979.617
Khấu hao trong năm	588.251.394	-	588.251.394
Số dư cuối năm	4.591.981.011	55.250.000	4.647.231.011
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	16.148.847.383	-	16.148.847.383
Tại ngày cuối năm	15.560.595.989	-	15.560.595.989

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 55.250.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 55.250.000 đồng).

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Phải trả người bán ngắn hạn				
Baker Hughes Asia Pacific LTD - Baker Petrolite Division	1.264.150.990	1.264.150.990	1.264.150.990	1.264.150.990
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Gia công Tâm Minh Tuấn	1.210.000.000	1.210.000.000	1.063.480.000	1.063.480.000
Công ty TNHH Quảng cáo Song Hành	997.294.415	997.294.415	244.750.000	244.750.000
Cultivate Co., Ltd	469.228.750	469.228.750	-	-
Công ty TNHH Chung Dũng	160.007.049	160.007.049	493.261.544	493.261.544
Công ty TNHH Thoresen - Vi Na Ma Logistics	100.512.947	100.512.947	16.214.660	16.214.660
Công ty TNHH MTV Thương mại & Dịch vụ Minh Dũng	33.440.000	33.440.000	72.177.600	72.177.600
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành	-	-	1.684.000.000	1.684.000.000
Các nhà cung cấp khác	849.237.608	849.237.608	1.315.558.074	1.315.558.074
	5.083.871.759	5.083.871.759	6.153.592.868	6.153.592.868
b. Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan				
(chi tiết tại Thuyết minh số 26)	49.004.769.720	49.004.769.720	169.590.318.350	169.590.318.350
Cộng	54.088.641.479	54.088.641.479	175.743.911.218	175.743.911.218

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Minh Dũng	10.273.250.000	234.000.000
Công ty TNHH Thủy Minh Khoa	7.232.832.981	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phân bón Tuấn Vũ	4.119.266.328	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kim Ngoan	1.579.400.263	-
Công ty Cổ phần Hoa Nam	494.029.375	1.267.813.525
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Xuất Nhập khẩu Đức Thành	112.292.138	307.757.050
Công ty TNHH SXTM DV XNK Tân Trí Phát	-	1.411.891.076
Công ty TNHH Minh Trung	-	566.074.260
Doanh Nghiệp Tư nhân Kim Huệ	-	561.404.275
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hoàng Dũng	-	319.401.400
Các khách hàng khác	228.950.001	263.899.390
Cộng	<u>24.040.021.086</u>	<u>4.932.240.976</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	512.899.436	796.769.284	1.030.101.536	279.567.184
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.418.348.713	2.864.249.571	2.914.964.972	1.367.633.312
Thuế thu nhập cá nhân	127.762.707	1.247.845.021	1.208.773.151	166.834.577
Các loại thuế khác	-	62.923.302	62.923.302	-
	<u>2.059.010.856</u>	<u>4.971.787.178</u>	<u>5.216.762.961</u>	<u>1.814.035.073</u>

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền cổ tức phải trả	651.134.600	438.137.600
Phải trả, phải nộp khác	379.901.180	652.312.049
	<u>1.031.035.780</u>	<u>1.090.449.649</u>

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng Cộng VND
Số dư đầu năm trước	125.000.000.000	15.787.129.314	20.277.969.256	161.065.098.570
Lợi nhuận trong năm	-	-	12.898.242.804	12.898.242.804
Trích từ lợi nhuận	-	-	(3.052.472.840)	(3.052.472.840)
Cổ tức được chia	-	-	(12.500.000.000)	(12.500.000.000)
Giảm khác			(670.123.809)	(670.123.809)
Số dư cuối năm trước	125.000.000.000	15.787.129.314	16.953.615.411	157.740.744.725
Số dư đầu năm nay	125.000.000.000	15.787.129.314	16.953.615.411	157.740.744.725
Lợi nhuận trong năm	-	-	10.889.536.363	10.889.536.363
Trích từ lợi nhuận (i)	-	-	(2.400.586.155)	(2.400.586.155)
Cổ tức được chia (ii)	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	125.000.000.000	15.787.129.314	15.442.565.619	156.229.694.933

- (i) Trong năm, Công ty đã tiến hành tạm trích quỹ Khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 58/NQ-ĐNB ngày 26 tháng 7 năm 2019 với số tiền là 2.400.586.155 đồng.
- (ii) Cũng theo Nghị quyết trên, Công ty sẽ chi trả cổ tức năm 2018 cho Cổ đông Công ty với mức 8%/mệnh giá (800 đồng/cổ phiếu) theo Danh sách cổ đông chốt ngày 12 tháng 8 năm 2019. Theo đó, cổ tức năm 2018 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt là 10.000.000.000 đồng.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.500.000	12.500.000
Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.500.000	12.500.000
Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty là 125.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

	Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	VND	%	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	93.750.000.000	75%	93.750.000.000	93.750.000.000
Cổ đông khác	31.250.000.000	25%	31.250.000.000	31.250.000.000
Cộng	125.000.000.000	100%	125.000.000.000	125.000.000.000

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón, các sản phẩm hóa chất và các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể, theo đó thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 18 và 19.

Trong năm, sản phẩm hàng hóa của Công ty (bao gồm các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất) chủ yếu được phân phối tại khu vực các tỉnh miền Đông Nam Bộ.

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu phân bón	1.922.565.644.122	2.394.861.842.500
Doanh thu hóa chất	-	32.585.080
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.167.484.294	19.802.353.277
	1.941.733.128.416	2.414.696.780.857
Chiết khấu thương mại	17.534.753.916	35.401.958.832
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.924.198.374.500	2.379.294.822.025
Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 26)	18.821.506.712	19.578.285.509

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn phân bón	1.843.896.263.743	2.290.098.168.022
Giá vốn hóa chất	-	32.552.450
Giá vốn cung cấp dịch vụ	16.308.221.823	16.838.996.323
	1.860.204.485.566	2.306.969.716.795

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.249.053.780	3.640.654.758
Chi phí nhân công	24.968.565.950	27.340.914.079
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.053.186.845	4.075.808.372
Chi phí dự phòng	1.848.617.269	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.823.396.601	32.099.536.406
Chi phí khác bằng tiền	2.688.993.527	2.803.623.839
	56.631.813.972	69.960.537.454

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là lãi tiền gửi tại các ngân hàng trong năm.

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên bán hàng	13.350.449.281	16.847.593.236
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	2.016.375.302	3.034.114.136
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.892.455.467	2.880.583.389
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.180.266.210	9.312.314.210
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.571.807.570	1.596.093.851
	29.011.353.830	33.670.698.822
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	10.399.064.419	10.493.320.843
Chi phí đồ dùng văn phòng	232.678.478	606.540.622
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.160.731.378	1.195.224.983
Thuế, phí và lệ phí	6.346.960	12.947.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.734.315.722	10.598.812.026
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.110.838.997	1.207.529.988
	21.643.975.954	24.114.376.062

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	13.753.785.934	16.249.358.851
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	567.461.922	506.221.385
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	567.461.922	506.221.385
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	14.321.247.856	16.755.580.236
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.864.249.571	3.351.116.047

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	10.889.536.363	12.898.242.804
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(2.400.586.155)	(3.052.472.840)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	8.488.950.208	9.845.769.964
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	12.500.000	12.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	679	788

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	2.358.564.000	2.346.564.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	2.358.564.000	2.346.564.000

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng tại tầng 9, tầng 10, tầng 11 - Tòa nhà PVFCCo SBD Building với giá thuê 195.547.000 đồng/tháng (chưa bao gồm thuế VAT). Hợp đồng thuê này có thời hạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí
- Công ty Cổ phần

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí
- Công ty Cổ phần - Chi nhánh Kinh doanh Hóa chất Dầu khí

Các đơn vị là các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Mối quan hệ

Công ty mẹ

Chi nhánh của Công ty mẹ

Các đơn vị cùng Tập đoàn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:


	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng	18.821.506.712	19.578.285.509
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	16.113.662.518	16.475.714.993
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	2.707.844.194	2.404.635.816
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	-	697.934.700
Mua hàng	1.814.420.634.810	2.324.472.656.943
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.806.655.872.310	2.321.582.805.320
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	6.874.762.500	1.537.784.000
Công ty Cổ phần Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí Miền Trung	890.000.000	830.000.000
Chi nhánh Côn Sơn - Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	-	215.930.000
Tập đoàn dầu khí Việt Nam	-	175.113.173
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	-	32.552.450
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	-	98.472.000
Chi trả cổ tức	10.054.507.100	9.375.000.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	10.054.507.100	9.375.000.000


Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:


	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	3.112.542.308	3.324.266.340

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng	5.197.151.566	2.822.728.453
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	4.541.130.370	1.761.826.585
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	656.021.196	1.060.901.868
Trả trước cho người bán	-	3.778.713.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	3.778.713.000
Phải trả người bán	49.004.769.720	169.590.318.350
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	49.004.769.720	169.590.318.350


Trần Hữu Long
Người lập biểu


Nguyễn Xuân Đạt
Kế toán trưởng


Lê Đức Thuận
Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2020

